

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Bản án số: 21/2025/DS-ST

Ngày: 24-02-2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Phạm Tú Nhi.

2/ Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Long – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 814/2024/TLST-DS ngày 27/11/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 508/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đinh Thị D, sinh năm 1983; địa chỉ: Số G khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Phan Thị Minh C, sinh năm 1982; địa chỉ: D khu phố Đ, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 08/10/2024). (Có mặt).

- Bị đơn:

1/ Bà Vũ Thị Châu L, sinh năm 1985. (Có mặt)

2/ Ông Nguyễn Duy C1, sinh năm 1982. (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Cùng thường trú: Số B khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Cùng chỗ ở: Căn hộ RA16.12 chung cư C, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/10/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Đinh Thị D là bà Phan Thị Minh C trình bày:

Bà Đinh Thị D và bà Vũ Thị Châu L có quen biết nhau, do tin tưởng nên vào ngày 24/10/2022 bà D cho bà L vay số tiền 1.900.000.000 đồng. Hai bên không làm hợp đồng vay tiền nhưng có thỏa thuận về thời hạn vay là 10 ngày, mức lãi suất là 2%/tháng. Bà D đã giao đủ số tiền 1.900.000.000 đồng cho bà L vào ngày 24/10/2022 bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản 198599997979 Ngân hàng Q (MB) của bà L, bà L không thế chấp hay cầm cố tài sản giấy tờ gì cho bà D. Đến cuối tháng 11/2022 do có nhu cầu lấy lại tiền vay nên bà D đã thông báo và yêu cầu bà L trả tiền. Sau nhiều lần yêu cầu thì bà L trả được cho bà D số tiền 1.100.000.000 đồng vào ngày 23/3/2023. Như vậy, bà L còn nợ lại số tiền là 800.000.000 đồng và cũng vào ngày 23/3/2023 bà L cùng với chồng là ông Nguyễn Duy C1 đã làm lại giấy xác nhận nợ với nội dung ông C1, bà L còn nợ bà D số tiền 800.000.000 đồng và hứa sẽ trả cho bà D vào ngày 23/6/2024. Kể từ khi xác nhận nợ thì hai bên không còn tính lãi. Khi quá thời hạn trả tiền thì bà L, ông C1 tiếp tục xin gia hạn, bà D cũng đã gia hạn thêm cho bà L, ông C1 đến ngày 23/8/2024 phải trả hết tiền nợ trên cho bà D. Tuy nhiên, đến nay đã quá thời hạn gia hạn nhưng bà L, ông C1 vẫn không có ý định trả tiền cho bà D. Việc bà Vũ Thị Châu L và ông Nguyễn Duy C1 vay tiền của bà Đinh Thị D1 mà không thực hiện nghĩa vụ trả tiền như đã thỏa thuận đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của bà D1. Vì vậy, bà Đinh Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Vũ Thị Châu L và ông Nguyễn Duy C1 phải trả lại số tiền gốc mà bà L, ông C1 còn nợ của bà D là 800.000.000 đồng, theo giấy xác nhận nợ ngày 23/3/2023. Do bà L, ông C1 không thanh toán nợ đúng hạn nên bà D yêu cầu bà L, ông C1 phải trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ với mức lãi suất 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng), thời gian tính lãi từ ngày 24/8/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm (24/02/2024) là 06 tháng với số tiền: 39.840.000 đồng. Đối với ý kiến của bị đơn về phương án trả nợ hàng tháng từ 1.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng cho đến khi thanh toán xong nợ và không phải trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn không đồng ý. Về phương án trả nợ và lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ sẽ được nguyên đơn xem xét trong quá trình thi hành án.

Tại phiên tòa bị đơn bà Vũ Thị Châu L trình bày: Bà L thống nhất với trình bày của nguyên đơn về hợp đồng vay tài sản đã giao kết, số tiền đã trả và số tiền còn lại theo nội dung giấy xác nhận nợ đề ngày 23/3/2023. Đến nay vợ chồng bà còn nợ bà D số tiền 800.000.000 đồng. Do vợ chồng bà gặp khó khăn trong làm ăn nên chưa có điều kiện để trả nợ theo nội dung giấy xác nhận nợ đã ký. Từ khi xác nhận nợ cho đến nay vợ chồng bà chưa thanh toán cho bà D thêm số tiền nào cả. Bà L xác nhận nợ gốc còn lại là 800.000.000 đồng và đồng ý trả cho bà D theo phương án trả nợ dần hàng tháng từ 1.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng cho đến khi thanh toán xong. Nếu việc làm của bà ổn định,

kinh tế bản thân phục hồi thì bà sẽ thu xếp trả hết nợ ngay cho bà D. Đối với yêu cầu tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ mà nguyên đơn yêu cầu bắt đầu tính từ ngày 24/8/2024 đến ngày 24/02/2025 với lãi suất 10%/năm, số tiền lãi là 39.840.000 đồng thì bà L xin không trả số tiền này vì hiện nay kinh tế của bà thực sự gặp khó khăn.

Quá trình tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Duy C1 đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông C1 không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu độc lập, không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm người tham gia tố tụng, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tại phiên tòa ngày 24/02/2025, ông C1 có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Duy C1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định. Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Duy C1 được có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông.

[2] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ lời khai của đương sự và nội dung “Giấy xác nhận nợ” đề ngày 23/3/2023 có căn cứ xác định: Bà L và ông C1 còn nợ bà D số tiền 800.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả nợ vào ngày 24/6/2024 (nếu ông C1 và bà L còn gặp khó khăn thì bà D xem xét có thể gia hạn thêm). Như vậy, hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự. Tại phiên tòa bà L thừa nhận chữ ký, chữ viết tên của bà trong “Giấy xác nhận nợ” mà nguyên đơn cung cấp, đồng thời xác định số tiền nợ gốc còn lại là 800.000.000 đồng, từ thời điểm ký giấy xác nhận nợ cho đến nay bà và ông C1 chưa trả nợ cho bà D. Đến thời hạn bà D đã yêu cầu trả nợ và gia hạn thời gian trả nợ đến ngày 23/8/2024 nhưng ông C1 và bà L vẫn không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Vì vậy, bà D khởi kiện yêu cầu ông C1 và bà L phải trả nợ gốc với số tiền 800.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán: Ngày 23/3/2023 bị đơn đã viết “*Giấy xác nhận nợ*” với nội dung xác nhận nợ và hẹn ngày trả là 24/6/2024. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn xác định đã

gia hạn thêm cho bị đơn thời gian trả nợ đến hết ngày 23/8/2024 nhưng bị đơn vẫn không thực hiện. Điều này chứng tỏ, nguyên đơn đã yêu cầu bị đơn trả nợ và bị đơn đã viết giấy hứa hẹn thời gian trả nhưng hết thời hạn vẫn không trả nợ cho nguyên đơn.

Tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định: “4. Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác”. Như vậy, để đảm bảo quyền lợi của nguyên đơn cần buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn mức lãi suất 10%/năm (tương ứng 0,83%/tháng) trên số tiền tương ứng với thời gian chậm trả. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ bắt đầu từ ngày 24/8/2024 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (tức ngày 24/02/2025) là có căn cứ chấp nhận. Như vậy, ngoài số tiền gốc còn phải trả thì bà L, ông C1 còn phải có trách nhiệm trả cho bà D số tiền lãi là 39.840.000 đồng. {Cụ thể: $(800.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%) \times 6 \text{ tháng} = 39.840.000 \text{ đồng}$ }.

[4] Tại phiên tòa bà L đưa ra phương án trả nợ cho bà D theo phương thức trả nợ dần mỗi tháng từ 1.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng cho đến khi thanh toán xong, nếu việc làm thuận lợi, kinh tế của bản thân phục hồi thì sẽ sắp xếp trả ngay cho bà D; đồng thời bà L xin không phải trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Tuy nhiên, phương án và ý kiến của bà L không được nguyên đơn chấp nhận nên Tòa án không có căn cứ để xem xét.

[5] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của Viện kiểm sát.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà L và ông C1 phải chịu án phí theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 144, 147, 227, 228, 229, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 470, 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 33, 35 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị D đối với bà Vũ Thị Châu L và ông Nguyễn Duy C1 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

- Buộc bà Vũ Thị Châu L và ông Nguyễn Duy C1 phải thanh toán cho bà Đinh Thị D tổng số tiền 839.840.000đ (tám trăm ba mươi chín triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng). Trong đó: nợ gốc là 800.0000.000đ (tám trăm triệu đồng) và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ là 39.840.000đ (ba mươi chín triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Vũ Thị Châu L và ông Nguyễn Duy C1 phải nộp số tiền 37.195.200đ (ba mươi bảy triệu một trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm đồng).

- Trả lại cho bà Đinh Thị D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 18.399.000đ (mười tám triệu ba trăm chín mươi chín nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0001937 ngày 20/11/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Dĩ An;
- Chi cục THADS TP. Dĩ An;
- Đương sự;
- Lưu: VT; HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Vân

